

Số: 18 /2021/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Vĩnh Long Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI ban hành quy chế hoạt động của Hội
đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội
đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 23/TTr-HĐND ngày 24/11/2021 của Thường trực Hội đồng
nhân dân tỉnh Ban hành Nghị quyết về Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Vĩnh Long Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội
đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là HĐND) Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Đối tượng áp dụng: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh.

3. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các quy định khác của luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HĐND

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của HĐND

HĐND tỉnh Vĩnh Long Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 50 đại biểu HĐND do cử tri của tỉnh Vĩnh Long bầu ra; có cơ cấu tổ chức như sau:

1. Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng các Ban của HĐND.

2. HĐND có 03 Ban gồm: Ban Pháp chế; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Kinh tế - Ngân sách. Các Ban HĐND có Trưởng ban, Phó trưởng Ban hoạt động chuyên trách, Phó trưởng Ban hoạt động kiêm nhiệm và 06 Ủy viên.

3. HĐND có 08 Tổ đại biểu được thành lập theo địa bàn 08 huyện, thị xã, thành phố.

Chương II **HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND**

Điều 4. Kỳ họp HĐND

1. HĐND họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

HĐND quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. HĐND họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND yêu cầu.

3. HĐND họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thì HĐND quyết định họp kín.

Điều 5. Chuẩn bị kỳ họp của HĐND

1. Chậm nhất là 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND chủ trì tổ chức họp với Thường trực UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (sau đây gọi tắt là UBMTTQ) Việt Nam tỉnh, các Ban HĐND, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là TAND), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là VKSND) và các cơ quan liên quan để thống nhất dự kiến chương trình và những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp; giao các cơ quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp Thường trực HĐND.

2. UBND, các cơ quan liên quan chuẩn bị và gửi báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đúng thời gian quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và theo thông báo kết quả hội nghị liên tịch trước mỗi kỳ họp của HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND thực hiện giám sát, khảo sát, thẩm tra và chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp; đôn đốc các cơ quan liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp.

Điều 6. Nội quy kỳ họp HĐND

1. Tại kỳ họp, HĐND xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh tại địa phương.

2. Chủ tọa kỳ họp HĐND có trách nhiệm điều hành kỳ họp bảo đảm đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và chương trình, nội dung đã được HĐND thông qua.

3. Đại biểu HĐND có nhiệm vụ:

a) Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của HĐND nhiệm kỳ 2021 - 2026.

b) Tham gia đầy đủ kỳ họp, các phiên họp của HĐND.

c) Khi dự họp, đại biểu mang theo tài liệu đã được gửi trước và quản lý, sử dụng tài liệu kỳ họp theo quy định. Đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu và tham gia ý kiến tại kỳ họp.

d) Đại biểu dự họp đúng giờ, thực hiện báo danh qua Thư ký kỳ họp. Trường hợp đại biểu không thể đến dự kỳ họp, phải báo cáo trước và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐND. Nếu đến muộn phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu hoặc Thư ký kỳ họp để báo cáo với Chủ tọa.

đ) Đại biểu đeo phù hiệu khi tham dự kỳ họp, ngồi đúng vị trí quy định. Trong giờ họp điện thoại phải chuyển sang chế độ im lặng, không ra ngoài làm việc riêng hoặc để trả lời phỏng vấn của phóng viên. Trang phục của đại biểu dự kỳ họp: Nữ bộ áo dài truyền thống; nam quần tây áo sơ mi, cà vạt (cravate); đại biểu Tôn giáo mặc trang phục Tôn giáo, đại biểu lực lượng vũ trang và các cơ quan có trang phục ngành thì mặc trang phục của ngành.

4. Đại biểu khách mời tham dự kỳ họp có nhiệm vụ:

a) Thực hiện nghiêm túc nội quy kỳ họp và quy định của Chủ tọa kỳ họp. Phải dự xuyên suốt cả kỳ họp, nếu vắng phải xin phép và được sự chấp thuận của Chủ tọa kỳ họp.

b) Khi tham dự kỳ họp, đại biểu mặc trang phục: Nữ bộ áo dài truyền thống; nam quần tây áo sơ mi, cà vạt (cravate); đại biểu lực lượng vũ trang hoặc các cơ quan có trang phục ngành thì mặc trang phục của ngành.

c) Nghiên cứu tài liệu phục vụ kỳ họp. Có thể tham gia phát biểu ý kiến liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn của ngành mình khi được sự cho phép của Chủ tọa kỳ họp hoặc Chủ tọa kỳ họp yêu cầu.

5. Phóng viên báo chí:

a) Được tham dự kỳ họp khi có giấy mời hoặc cơ quan báo chí được mời phân công. Trang phục phải lịch sự, đảm bảo yêu cầu tác nghiệp.

b) Được cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến kỳ họp theo chỉ đạo của Chủ tọa kỳ họp.

c) Khi tác nghiệp tại kỳ họp phải vào đúng vị trí được bố trí, thực hiện nghiêm Luật báo chí và các quy định của pháp luật liên quan; chấp hành nghiêm nội quy kỳ họp và quy định của Chủ tọa kỳ họp. Không thực hiện phỏng vấn khi đại biểu đang thực hiện nhiệm vụ tại phiên họp. Không làm ảnh hưởng đến trật tự kỳ họp.

d) Đưa tin kịp thời, trung thực, khách quan.

Điều 7. Tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh và Tổ đại biểu HĐND có trách nhiệm tổ chức tiếp xúc cử tri trước kỳ họp để đại biểu HĐND thông báo với cử tri về dự kiến chương trình kỳ họp, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri; tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp để đại biểu HĐND báo cáo với cử tri kết quả kỳ họp và báo cáo việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri ở các kỳ họp trước của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chậm nhất 05 ngày sau khi tiếp xúc cử tri, Thường trực HĐND phối hợp Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến UBND tỉnh giải quyết và báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp HĐND.

Điều 8. Thông báo quyết định triệu tập và dự kiến chương trình kỳ họp của HĐND

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của HĐND, quyết định triệu tập và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để cử tri và Nhân dân biết, theo dõi.

Điều 9. Gửi và lưu hành tài liệu trình HĐND

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, cơ quan trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án gửi đến Thường trực HĐND để chuyển đến các Ban của HĐND thẩm tra theo quy định. Cơ quan thẩm tra không tiến hành thẩm tra dự thảo nghị quyết khi chưa đủ các tài liệu trong hồ sơ hoặc hồ sơ gửi không đúng

thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Tài liệu phục vụ kỳ họp phải được gửi đến đại biểu chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tài liệu kỳ họp được gửi đến đại biểu là văn bản điện tử và được gửi trên hộp thư điện tử (email) của đại biểu; riêng văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo thẩm tra của các Ban được gửi bằng văn bản điện tử và văn bản giấy chậm nhất trước 07 ngày khai mạc kỳ họp.

3. Chủ tịch HĐND quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp HĐND và hình thức gửi tài liệu.

Điều 10. Triệu tập kỳ họp

1. Thường trực HĐND quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Dự kiến chương trình kỳ họp được gửi đến đại biểu cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 11. Khách mời tham dự kỳ họp

1. Thực hiện theo Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ (phía Nam); Kiểm toán Nhà nước Khu vực; các đồng chí nguyên lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố.

3. Tùy theo tính chất và tầm quan trọng của kỳ họp, Chủ tịch HĐND quyết định thành phần mời tham dự kỳ họp.

Điều 12. Thảo luận nội dung trình kỳ họp

1. Việc thảo luận các nội dung trình kỳ họp được thực hiện tại phiên thảo luận tổ và thảo luận tại phiên họp toàn thể.

2. Chậm nhất 06 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ đại biểu HĐND tổ chức họp tổ để thảo luận các nội dung trình kỳ họp. Thời gian cuộc họp Tổ do Thường trực HĐND quyết định, đảm bảo phù hợp với yêu cầu, tính chất, nội dung của kỳ họp. Diễn biến và kết quả phiên thảo luận Tổ đại biểu HĐND phải được tổng hợp và gửi về Thường trực HĐND chậm nhất 04 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

3. Đại biểu HĐND tham gia thảo luận tại phiên họp toàn thể theo sự chỉ đạo và gợi ý của Chủ tọa kỳ họp. Mỗi ý kiến thảo luận, tranh luận không quá 07 phút. Nội

dung thảo luận, tranh luận phải cụ thể, rõ ràng, đúng quy định của pháp luật và sát thực tiễn.

Điều 13. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp

1. Đại biểu HĐND thực hiện quyền chất vấn của mình tại kỳ họp. Trình tự thủ tục chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp và giữa hai kỳ họp được thực hiện theo quy định tại Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Thời gian nêu chất vấn không quá 03 phút; thời gian trả lời chất vấn theo nhóm vấn đề không quá 07 phút. Thời gian có thể kéo dài thêm do Chủ tọa kỳ họp quyết định.

3. Thời gian nêu chất vấn lại không quá 02 phút; thời gian trả lời chất vấn lại không quá 05 phút.

Điều 14. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp

1. Nghị quyết của HĐND do Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp do Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tọa ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo và biên bản kỳ họp phải được Thường trực HĐND gửi về Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

4. Nghị quyết của HĐND phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện; đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật; đối với văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng công báo của tỉnh.

Điều 15. Thư ký phục vụ kỳ họp

1. Công tác thư ký kỳ họp do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Thư ký kỳ họp thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 629/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV. Khi Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 16. Lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm

HĐND lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm theo quy trình, thủ tục quy định tại Điều 88, Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 63, 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 17. Hoạt động giám sát của HĐND

1. HĐND có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Các hoạt động giám sát của HĐND được thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND

Điều 18. Phiên họp của Thường trực HĐND

1. Thường trực HĐND tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Quy chế làm việc của Thường trực HĐND. Phiên họp Thường trực HĐND được tổ chức vào tuần cuối cùng của tháng. Thời gian của phiên họp do Chủ tịch HĐND quyết định. Hàng tuần, Thường trực HĐND tiến hành hội ý để giải quyết các công việc phát sinh, đột xuất theo thẩm quyền.

2. Tùy theo nội dung, tính chất của phiên họp, Chủ tịch HĐND quyết định thành phần tham dự phiên họp.

Điều 19. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND

1. Thường trực HĐND có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

2. Nội dung, đối tượng, hình thức, quy trình giám sát của Thường trực HĐND thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; các Điều 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73 và 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 20. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban HĐND

1. Thường trực HĐND chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban HĐND theo quy định tại khoản 4 Điều 104 và khoản 3 Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Quy chế làm việc của Thường trực HĐND.

2. Phân công các Ban: Thẩm tra báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình HĐND về lĩnh vực có liên quan; thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND; tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND và một số công việc khác có liên quan.

Điều 21. Thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐND

1. Giữa hai kỳ họp của HĐND ngoài thực hiện các nhiệm vụ được pháp luật quy định, Thường trực HĐND xem xét, quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND do UBND, TAND, VKSND, Ban của HĐND trình, như sau:

a) Những nội dung được cấp có thẩm quyền giao cần phải giải quyết để bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b) Những nội dung, nhiệm vụ cần phải giải quyết kịp thời để thực hiện hiệu quả Nghị quyết của HĐND.

2. Báo cáo HĐND về các nội dung ở khoản 1 Điều này tại kỳ họp gần nhất của HĐND.

Điều 22. Tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Tổ chức tiếp công dân thực hiện theo quy định tại Điều 107 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 4 và khoản 2 Điều 18 Luật Tiếp công dân.

2. Thường trực HĐND tổ chức tiếp công dân vào ngày thứ năm hàng tuần tại trụ sở HĐND (nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày hôm sau).

3. Lịch tiếp công dân của Chủ tịch HĐND, các Phó Chủ tịch HĐND, đại biểu chuyên trách HĐND được thông báo hàng tháng.

Chương IV HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HĐND

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Các Ban HĐND phụ trách các lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, các văn bản quy phạm pháp luật khác và trên cơ sở Quy chế hoạt động của Ban đã được ban hành.

2. Các Ban của HĐND thực hiện sự điều hòa, phối hợp hoạt động của Thường trực HĐND; thực hiện các nhiệm vụ do lãnh đạo Thường trực HĐND phân công. Giữ mối liên hệ và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, yêu cầu của các cơ quan của Quốc hội, các bộ, ngành có liên quan.

Điều 24. Hoạt động thẩm tra

1. Chậm nhất là 10 ngày đối với nghị quyết cá biệt, 15 ngày đối với nghị quyết quy phạm pháp luật trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, các Ban HĐND tổ chức thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực của

Ban hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND. Nếu không tiến hành thẩm tra, Ban phải báo cáo rõ lý do để Thường trực HĐND xem xét, quyết định.

2. Các quy định cụ thể về hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015. Trong quá trình thẩm tra xét thấy nếu cần thiết có thể tổ chức khảo sát tình hình thực tế tại địa phương, hợp lấy ý kiến của những người am hiểu về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết. Việc thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết được thực hiện theo trình tự luật định.

3. Nội dung thẩm tra thực hiện theo khoản 3 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và điểm c khoản 38 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

4. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí; những đề nghị sửa đổi, bổ sung và phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

5. Chậm nhất 09 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, Ban của HĐND gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực HĐND. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, báo cáo thẩm tra phải được gửi đến đại biểu HĐND.

Điều 25. Hoạt động giám sát của các Ban HĐND

1. Các Ban HĐND thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định từ Điều 76 đến Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; các văn bản quy phạm pháp luật khác và Quy chế hoạt động của Ban.

2. Ngoài ra, các Ban HĐND có trách nhiệm tham gia khảo sát, giám sát hoặc tổ chức đoàn khảo sát, giám sát về các lĩnh vực của Ban khi Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh yêu cầu.

Chương V

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HĐND

Điều 26. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND

1. Tổ đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Tổ đại biểu có Tổ trưởng, Tổ phó để điều hành công việc của Tổ. Nhiệm vụ cụ thể của Tổ phó và các đại biểu trong Tổ do Tổ trưởng phân công. Tổ phó thực hiện nhiệm vụ của Tổ trưởng khi Tổ trưởng vắng mặt.

3. Tổ đại biểu HĐND tổ chức đề các đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND; tổ chức các phiên họp Tổ đại biểu HĐND thảo luận tại Tổ và các phiên họp toàn thể, chuẩn bị nội dung chất vấn và chất vấn lại tại kỳ họp HĐND. Các cuộc họp của Tổ đại biểu phải ghi thành biên bản và gửi về Thường trực HĐND.

4. Tổ đại biểu HĐND thực hiện quyền giám sát theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại các Điều 83, 84, 85, 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

5. Các thành viên trong Tổ đại biểu có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trưởng trong các hoạt động có liên quan (thảo luận, chất vấn tại kỳ họp, tiếp xúc cử tri...).

6. Tổ trưởng Tổ đại biểu có nhiệm vụ:

a) Triệu tập và điều hành các phiên họp Tổ; phân công tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu trong tổ bằng văn bản để phản ánh với Thường trực HĐND. Chuẩn bị nội dung, kế hoạch, đề cương, thành lập đoàn, tổ chức thực hiện các chương trình giám sát theo thẩm quyền và theo sự phân công của Thường trực HĐND. Tổ chức cho các đại biểu tham gia các đoàn giám sát của Thường trực, các Ban HĐND khi thực hiện nhiệm vụ giám sát trên địa bàn (nếu có yêu cầu).

b) Căn cứ chương trình hoạt động, các kế hoạch công tác của Thường trực HĐND, chủ động phối hợp với Thường trực HĐND, Thường trực UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và sự phân công của Thường trực HĐND.

Điều 27. Hoạt động của đại biểu HĐND (không chuyên trách)

1. Đại biểu HĐND không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba (1/3) thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND. Đại biểu không làm việc tại các đơn vị, cơ quan phải thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND theo quy định của pháp luật.

2. Đại biểu HĐND có trách nhiệm dành thời gian để nghiên cứu tài liệu, nắm bắt thực tiễn, tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát, tiếp công dân và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và đề nghị (hoặc giấy mời) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND.

3. Tham dự đầy đủ các kỳ họp HĐND, phiên họp Tổ đại biểu và các kỳ họp HĐND cấp huyện nơi mình ứng cử; chấp hành các quy định của kỳ họp; tham gia thảo luận, chất vấn và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

4. Đại biểu HĐND thực hiện quyền chất vấn của mình bằng cách gửi phiếu chất vấn đến Thường trực HĐND: Trước kỳ họp thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; tại kỳ họp thông qua Thư ký kỳ họp hoặc chất vấn trực tiếp tại phiên chất vấn của kỳ họp. Trình tự thủ tục chất vấn, chất vấn lại, trả lời chất vấn tại kỳ họp và giữa hai kỳ họp được thực hiện theo quy định tại Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

5. Ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Điều 28. Đại biểu HĐND xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm, đại biểu bị mất quyền đại biểu HĐND

Thực hiện theo quy định tại Điều 101, Điều 102 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 28 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Chương VI

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 29. Quan hệ công tác giữa HĐND với HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. HĐND giữ mối quan hệ công tác, phối hợp công tác với HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp; theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội.

2. HĐND ủy quyền cho Thường trực HĐND tham dự các hội nghị Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực khác trong cả nước (khi có giấy mời).

3. Khi có điều kiện hoặc theo yêu cầu nhiệm vụ, tổ chức các đoàn đại biểu của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND đi học tập kinh nghiệm, mô hình phát triển kinh tế - xã hội... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Điều 30. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Đảng đoàn HĐND

1. Đảng đoàn HĐND lãnh đạo HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND hoạt động theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy chế này.

2. Đảng đoàn HĐND lãnh đạo Thường trực HĐND chuẩn bị chương trình các kỳ họp HĐND, xem xét các nội dung theo quy định của pháp luật trước khi trình HĐND quyết định tại các kỳ họp hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 31. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long

1. Các đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long được bầu trên địa bàn tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của Thường trực HĐND.

2. Thường trực HĐND thay mặt HĐND cử đại biểu HĐND tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH khi được mời.

3. Thường trực HĐND phối hợp với Đoàn ĐBQH tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin đến cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Điều 32. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Thường trực UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh

Thực hiện theo Quy chế phối hợp giữa Thường trực HĐND, Thường trực UBND và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh.

Điều 33. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố

Thường trực HĐND phối hợp với Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động kỳ họp HĐND, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân trên địa bàn và trao đổi, học tập, rút kinh nghiệm.

Chương VII

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND

Điều 34. Bộ máy giúp việc HĐND

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc và phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND theo quy định tại Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Nghị quyết số

298/NQ-HĐND ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 35. Chế độ chính sách, điều kiện đảm bảo và khen thưởng

1. Đại biểu HĐND được cung cấp thông tin và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đại biểu HĐND được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của HĐND.

3. Cuối nhiệm kỳ HĐND, Thường trực HĐND xem xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh khen thưởng cho tập thể các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND và các tập thể, các nhân có đóng góp cho hoạt động của HĐND.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh vướng mắc, Thường trực HĐND nghiên cứu trình HĐND xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

H. V. N. H.